

Số: 133 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2011-2015
và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁC & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 4890
	Ngày: 01/7/15
	Chuyên:

Phần thứ nhất
Đánh giá tình hình phát triển kinh tế tập thể
giai đoạn 2011-2015

I. Đánh giá chung

1. Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã, tổ hợp tác

a) Hợp tác xã

Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh ước có 245 Hợp tác xã (HTX), giảm 8,9% so với năm 2011 (giảm 30 HTX); trong đó, có 223 HTX đang hoạt động, 22 HTX ngừng hoạt động; có 83 HTX đã tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Từ năm 2011 đến nay, số lượng HTX biến động giảm hàng năm do quá trình củng cố hợp nhất, sáp nhập, giải thể và thành lập mới. Cụ thể, giai đoạn 2011-2015, có 37 HTX giải thể, 7 HTX thành lập mới.

Doanh thu bình quân của HTX 1,2 tỷ đồng/năm tăng 60% so với năm 2011.

Lãi bình quân của HTX: 75,6 triệu đồng/năm, tăng 65% so với năm 2011.

Tỷ suất lãi (lãi/vốn) đạt 6,4%.

b) Tổ hợp tác

Tính đến tháng 5/2015 tỉnh Quảng Ngãi có 365 tổ hợp tác các loại, trong đó có 300 tổ đoàn kết khai thác trên biển, 01 tổ hợp tác phát triển thành HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ Lý Sơn Hoàng Sa, huyện Lý Sơn. Tổ hợp tác tạo điều kiện hỗ trợ mang lại hiệu quả cao cho các thành viên, đặc biệt đối với những người thiếu vốn và lao động. Các tổ hợp tác đoàn kết khai thác hải sản trên biển đã phát huy tinh thần đoàn kết trong khai thác, hỗ trợ giúp đỡ nhau để sản xuất và phòng chống các tai nạn, biến cố trên biển, góp phần bảo vệ biển đảo Tổ quốc.

2. Về thành viên, lao động của hợp tác xã

- Tổng số thành viên HTX 350.367 thành viên, tăng 49% so với năm 2011.

- Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX 2.800 lao động, tăng 61% so với năm 2011.

- Thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên trong

HTX 18 triệu đồng/người/năm, tăng 89% so với năm 2011.

3. Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã

- Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã 1.225 người.
- Số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ sơ cấp, trung cấp: 762 người.
- Số cán bộ quản lý HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học là 100 người.
- Số cán bộ quản lý HTX chưa qua đào tạo 363 người.

II. Đánh giá theo lĩnh vực

1. Đối với Hợp tác xã nông nghiệp

Đến năm 2015, toàn tỉnh có 178 Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN); số lượng thành viên tham gia: 203.000 thành viên; số lượng lao động làm việc thường xuyên trong HTXNN: 1.103 người; Doanh thu bình quân của HTXNN: 500 triệu đồng/năm; lợi nhuận bình quân của HTXNN: 30 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân của của lao động làm việc thường xuyên trong HTXNN: 12 triệu đồng/người/năm.

Hợp tác xã nông nghiệp có số lượng thành viên đông đảo, hoạt động chủ yếu là dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các thành viên của hợp tác xã: có 92% hợp tác xã làm dịch vụ thủy lợi, 70% hợp tác xã làm dịch vụ khuyến nông, 70% hợp tác xã dịch vụ thú y, 41% hợp tác xã làm dịch vụ bảo vệ thực vật, 40% hợp tác xã dịch vụ giống, cây trồng; 27% hợp tác xã làm dịch vụ tín dụng nội bộ, 14% hợp tác xã làm dịch vụ vật tư phân bón, 11% hợp tác xã làm dịch vụ làm đất, 4% hợp tác xã làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.

HTX nông nghiệp phát triển theo hướng đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp, đáp ứng nhu cầu hộ thành viên và thị trường; hoạt động tập trung vào các lĩnh vực: làm đất, thủy lợi, khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, giống cây trồng, vật nuôi, cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm, chế biến, tín dụng nội bộ, kinh doanh thương mại.

HTX nông nghiệp hoạt động lợi nhuận không cao nhưng thực hiện được chức năng định hướng, tổ chức, hướng dẫn nông dân đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất nông nghiệp luôn gặp nhiều khó khăn, thiên tai, dịch bệnh, giá cả thị trường biến động bất thường đã ảnh hưởng bất lợi đến đời sống, sản xuất của thành viên và hoạt động của các HTXNN. Tuy nhiên, các HTXNN đã khắc phục khó khăn, duy trì, tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, đầu tư phát triển sản xuất. Điển hình có HTXNN Bình Dương đã hoàn thành dồn điền đổi thửa 365 ha đất canh tác, đạt 100% kế hoạch; HTXNN Nghĩa Kỳ Đông thực hiện liên kết 4 nhà nuôi heo công nghiệp, mỗi năm xuất chuồng khoảng 200 tấn thịt lợn.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động một số địa phương đã chủ động cùng cố bằng giải pháp hợp nhất nhiều HTXNN quy mô thôn thành một HTXNN quy mô xã, hoặc quy mô lớn hơn. Đã thành lập 08 HTX/11HTX dịch vụ hậu cần nghề cá và đánh bắt hải sản xa bờ theo Đề án 58 của tỉnh.

2. Đối với Hợp tác xã vận tải

Đến năm 2015 toàn tỉnh có 10 Hợp tác xã vận tải (HTXVT) với số lượng 850

thành viên; 1.520 lao động làm việc thường xuyên trong HTXVT; doanh thu bình quân của HTXVT: 1.000 triệu đồng/năm; lợi nhuận bình quân của HTXVT: 80 triệu đồng/năm; thu nhập bình của lao động làm việc thường xuyên trong HTXVT: 15 triệu đồng/người/năm.

Cùng với các thành phần kinh tế vận tải khác, các HTXVT đã đáp ứng một phần nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo thuận lợi giao lưu vận chuyển hàng hóa, giải quyết việc làm người lao động, hộ thành viên, đóng góp ngân sách tỉnh, phát triển kinh tế địa phương.

3. Đối với HTX công nghiệp - TTCN và thương mại dịch vụ

Toàn tỉnh có 44 Hợp tác xã công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ (HTXCN-TMDV). Hoạt động của HTX đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương; thực hiện ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ thành viên.

Diễn hình có HTX TMDV Hiệp Lực, HTX thủ nghệ thuật Trường Xuân, HTX dịch vụ điện Bình Thạnh, HTX xếp dỡ, xây dựng và dịch vụ Dung Quất.

Đối với các HTX dịch vụ điện thực hiện chuyển giao, theo hướng: các HTX dịch vụ điện trong vùng Dự án năng lượng nông thôn (REII) chuyển giao dịch vụ điện cho Công ty cổ phần điện các huyện và trở thành cổ đông của công ty, các HTX ngoài vùng dự án REII thì chuyển giao cho ngành điện. Hiện nay, còn 2 HTX dịch vụ điện hoạt động độc lập, đang tiếp tục củng cố phát triển. Việc sắp xếp, tổ chức lại các HTX dịch vụ điện đang được các địa phương, cơ quan quản lý tập trung giải quyết.

4. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân

Trên địa bàn tỉnh có 20 Quỹ tín dụng nhân dân, vốn bình quân từ 15 đến 20 tỷ đồng/quỹ, loại hình này hoạt động ổn định, hiệu quả, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quỹ tín dụng nhân dân ra đời, hỗ trợ tích cực trong việc huy động các nguồn vốn nhân rỗi trong dân cư, đáp ứng nhu cầu cấp thiết về vốn người dân nông thôn; các Quỹ đến nay kinh doanh đều có lãi. Tổng nguồn vốn hoạt động hơn 150 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 10%/năm, hàng năm có khoảng trên 8.000 lượt người vay, trong đó vay sản xuất nông nghiệp chiếm 90%.

Lợi thế của các Quỹ tín dụng nhân dân là địa bàn hoạt động chủ yếu ở nông

thôn, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện đi lại, giao dịch, điều kiện cho vay không quá khắc khe, đáp ứng được nhu cầu vay vốn đông đảo hộ thành viên, hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ không tiếp cận được với nguồn vốn tại các Ngân hàng thương mại; hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã trở thành kênh huy động vốn và cho vay hiệu quả ở nông thôn, phát triển kinh tế hộ thành viên.

III. Những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

1. Đánh giá tổng quát về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2011-2015

- Nhìn chung 5 năm qua, khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực. Một số hợp tác xã kiểu mới được thành lập, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực; số tổ hợp tác tiếp tục tăng. Các hợp tác xã từng bước chuyển đổi theo quy định của Luật HTX 2012, khắc phục yếu kém phần đầu vươn lên thành HTX trung bình, khá, vững mạnh và đạt danh hiệu HTX điển hình tiên tiến. Nhiều hợp tác xã được củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động hiệu quả. Liên kết giữa các hợp tác xã và HTX với các tổ chức kinh tế khác có sự phát triển. HTX đã từng bước khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, các HTX vẫn tổ chức mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các dịch vụ, hỗ trợ thiết thực cho nhu cầu kinh tế hộ thành viên phát triển, góp phần ổn định an ninh lương thực, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống hộ thành viên, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ biển đảo Tổ quốc và chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Bên cạnh những đóng góp nhất định vào sự tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh, hầu hết các HTX đều tham gia tích cực vào một số hoạt động xã hội như: xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, xây dựng công trình công cộng...

2. Thuận lợi

- Chính sách của Đảng, Nhà nước luôn tạo điều kiện cho kinh tế tập thể ngày càng phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Hoạt động kinh tế tập thể (KTTT) luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp tích cực, đồng bộ của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT.

- Nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương quan tâm đúng mức đến hình thức kinh tế hợp tác, kịp thời khuyến khích, động viên, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho HTX hoạt động, có định hướng chỉ đạo tích cực, củng cố và phát triển

HTX kiểu mới gắn với đổi mới phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Một số HTX có ý chí tự lực vươn lên, tự khẳng định mình, chủ động trong cách nghĩ, cách làm, phát triển đa dạng các hoạt động dịch vụ, liên kết kinh tế, nâng cao hiệu quả, lựa chọn ngành nghề kinh doanh, hình thức hoạt động, đầu tư và mở rộng quy mô; tranh thủ sự hỗ trợ của nhà nước từ các chính sách khuyến khích, ưu đãi; phát huy quyền tự quyết và quản lý hợp tác xã phát triển.

3. Khó khăn, tồn tại

- Nhận thức chưa rõ, chưa đầy đủ về chủ trương của Đảng về KTTT, về vị trí, vai trò của HTX, sự khác biệt giữa HTX kiểu cũ và HTX kiểu mới, chưa khắc phục được tư tưởng bao cấp, ỷ lại trông chờ Nhà nước.

- Vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật HTX còn nhiều yếu kém; quy mô HTX quá nhỏ, còn HTX quy mô thôn. Trình độ năng lực cán bộ quản lý HTX còn nhiều bất cập, độ tuổi trung bình quá cao, tư duy quản lý chậm đổi mới chưa thích ứng với cơ chế thị trường, thiếu năng động, sáng tạo.

- Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách tạo hành lang pháp lý cho HTX chuyển đổi, xây dựng và phát triển HTX kiểu mới, nhưng sự tác động vào thực tế chưa nhiều, đa phần các HTX chưa được hưởng lợi từ những chính sách đó. Trong đó có nguyên nhân là chậm ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai cụ thể.

- Một số HTX tổ chức lại hoạt động chưa đảm bảo theo quy định của Luật Hợp tác xã, từ đó không ít HTX tồn tại trên danh nghĩa, hình thức.

- Cán bộ quản lý HTX nhiều địa phương chưa thích ứng với cơ chế mới, quản lý điều hành kém hiệu quả, nguồn nhân lực trẻ có trình độ, năng lực tham gia quản lý HTX chưa nhiều.

Nguyên nhân

- Chưa nhận nhận thức đầy đủ về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tập thể của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên nên chưa thống nhất, thiếu nhất quán; đánh giá về kinh tế tập thể chưa toàn diện, chỉ thấy những hạn chế, yếu kém và hiệu quả hoạt động kinh tế thuần túy của HTX, để so với các đơn vị kinh tế khác mà không xét đến vai trò hỗ trợ cho kinh tế hộ và tính chất xã hội của HTX. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý nhà nước của chính quyền địa phương đối với HTX còn những hạn chế, có nơi buông lỏng lãnh đạo, thiếu giải pháp cho HTX phát triển, một số nơi lại can thiệp quá sâu vào công việc của HTX.

- Trình độ, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ quản lý HTX vừa thiếu, vừa yếu; tỷ lệ cán bộ chưa qua đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều, một số cán bộ HTX có trình độ và năng lực công tác tốt thì được điều động bổ sung nguồn cán bộ cho Đảng ủy, UBND xã, nhưng chuẩn bị chưa kịp thời nguồn cán bộ kế thừa cho HTX.

- Chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể đã ban hành nhưng thực tế mức hỗ trợ còn quá ít hoặc chưa thực hiện.

- Những vấn đề tồn đọng của HTX chậm xem xét, giải quyết để kéo dài như đất đai, thuế... Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện hiện có cán bộ theo dõi HTX, nhưng phần nhiều là kiêm nhiệm, nên việc tham mưu trong công tác quản lý nhà nước về HTX chưa kịp thời, chưa quan tâm lồng ghép các Chương trình, mục tiêu với củng cố và phát triển HTX.

4. Bài học kinh nghiệm

- Địa phương nào, cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hỗ trợ cho kinh tế tập thể thì nơi đó phong trào kinh tế tập thể phát triển.

- Trong thời kỳ đầu mới thành lập, chuyển đổi, KTTT còn nhiều khó khăn, các HTX cần sự hỗ trợ đầu tư cơ bản của Nhà nước mới có khả năng vươn lên.

- Quan tâm đào tạo và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cho các cơ sở kinh tế tập thể, đặt biệt là cán bộ chủ chốt HTX phải luôn được đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn và phải có tâm huyết, gắn bó với HTX.

- Các HTX phải chủ động vươn lên, khẳng định vị trí, vai trò, phát huy nội lực của chính mình để phấn đấu, vượt mọi khó khăn, thử thách, tập trung nguồn lực ra sức củng cố, phát triển theo quy định của pháp luật.

IV. Kết quả thực hiện pháp luật và chính sách phát triển kinh tế tập thể

1. Kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn

a) Ở cấp Trung ương

Trong 5 năm qua, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cấp Trung ương về kinh tế tập thể cụ thể:

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ 5 - BCH TW (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 26-NQ/BCHTW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 BCH TW Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn chủ trương đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất kinh tế hợp tác có hiệu quả phù hợp ở nông thôn;

- Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và các Văn bản của Trung ương chỉ đạo thực hiện Kết luận số 56;

- Luật Hợp tác xã 2003 và Luật Hợp tác xã 2012;

- Các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của các bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã 2003 và Luật Hợp tác xã 2012.

b) Ở cấp địa phương

Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chương trình hành động, Quyết định và các Văn bản của tỉnh về kinh tế tập thể cụ thể sau đây:

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ tỉnh chủ trương tiếp tục củng cố,

nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 13/10/2011 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh

Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2010-2020;

- Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Đề án củng cố phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 -2020;

- Chương trình hành động số 05/CTr-TW ngày 21/6/2002 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

- Chương trình hành động số 29/CTr-TU ngày 19/11/2008 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án củng cố phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án xây dựng và phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2014-2020;

- Công văn số 1647-CV/TU ngày 28/3/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 56 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Công văn số 1433/UBND-NNTN ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 56 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

2. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Ở các cấp chưa có tổ chức chuyên trách quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại cấp mình, chủ yếu chỉ phân công cán bộ kiêm nhiệm. Ở cấp tỉnh, đa số các Sở chưa có phòng nghiệp vụ chuyên trách theo dõi về kinh tế tập thể, phân công các phòng, đơn vị theo dõi chưa có sự thống nhất. Riêng Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Chi cục Phát triển nông thôn nhưng chỉ theo dõi lĩnh vực HTX nông nghiệp. Ở cấp huyện, chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm ở Phòng Tài chính – Kế hoạch hoặc ở Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc ở Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện theo dõi KTTT. Ở cấp xã, hầu như chưa bố trí cán bộ theo dõi KTTT.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã còn hạn chế như: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển hợp tác xã trên địa bàn; việc thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức tham gia và thành lập hợp tác xã; việc đề ra các biện pháp hỗ trợ hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; việc tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác xã.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã

a) Hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới HTX

- Tư vấn, hỗ trợ hợp nhất HTX. Những HTX hợp nhất chủ yếu ở quy mô thôn, hoạt động trì trệ, yếu kém nhiều năm, không có khả năng phát triển được. Các HTX hợp nhất, sáp nhập quy mô toàn xã, bắt đầu từ năm 2014 được hỗ trợ theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Kinh phí hỗ trợ thành lập mới HTX 10 triệu đồng/HTX. Đối với các HTX khai thác hải sản xa bờ được hỗ trợ theo Quyết định số 58/QĐ-UBND của UBND tỉnh do ngân sách huyện hỗ trợ thành lập 30 triệu đồng/HTX.

b) Chính sách bồi dưỡng, đào tạo

Giai đoạn 2011-2015, tổng số lớp học được tổ chức là 17 lớp, thu hút 991 lượt cán bộ tham gia học tập. Tổng kinh phí hỗ trợ 1.677.816 ngàn đồng, trong đó kinh phí ngoài ngân sách là 237 triệu đồng.

c) Về chính sách đất đai

Toàn tỉnh có 80 HTX (đang hoạt động) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó có một số HTX được hỗ trợ cấp mặt bằng tương đối lớn để sản xuất kinh doanh như HTX đóng sửa tàu thuyền Viễn Đông – Sa Huỳnh. Tổng diện tích đất các HTX được cấp là 235.751,2 m², chủ yếu là đất trụ sở HTX và đất sản xuất kinh doanh.

d) Về chính sách thuế

Các chính sách về thuế đối với HTX được Cục thuế tỉnh triển khai tương đối đầy đủ, tạo điều kiện cho các HTX phát triển sản xuất và làm nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Tuy nhiên, số lượng HTX nộp thuế vẫn còn ít, vì đa phần là HTX nông nghiệp nên được miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội

e) Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và chính sách tín dụng

Tỉnh đang triển khai thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX nên các HTX chưa tiếp cận được với các nguồn vay ưu đãi của nhà nước. Các ngân hàng thương mại còn ngại cho HTX vay, phần lớn HTX chưa tiếp cận được với các

chính sách tín dụng của Chính phủ (trừ Quỹ tín dụng nhân dân). Dự kiến Quỹ hỗ trợ phát triển HTX thành lập và hoạt động vào cuối năm 2015 đầu năm 2016.

f) Về hỗ trợ xúc tiến thương mại và đổi mới công nghệ

- Đã tư vấn, hỗ trợ 04 HTX về địa điểm, phương án, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất gạch không nung; 01 HTX lập 4 trại sản xuất nấm rơm, 02 HTX về hoạt động quản lý chợ, đưa hàng Việt về chợ nông thôn; 01 HTX tham gia hội chợ quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- Tổ chức 04 hội thảo nhân rộng mô hình Gạch không nung, Tín dụng nội bộ HTX, dịch vụ làm đất và giới thiệu máy nông nghiệp, xây dựng cơ bản.

- Tư vấn 02 HTX hoạt động kinh doanh ngành lâm nghiệp, tiến tới nhân rộng mô hình này.

g) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

Đa số các HTX chưa được thụ hưởng từ các chính sách của nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho HTX.

Phần thứ hai

Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020

I. Dự báo những thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước đã quan tâm ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật để tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác phát triển.

- Tinh uy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để tạo điều kiện phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

- Chính quyền địa phương nhiều nơi đã có sự quan tâm đến phát triển KTTT.

- Nhiều HTX đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, mạnh dạn đầu tư phát triển, mở rộng quy mô hoạt động.

2. Khó khăn

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương nhận thức chưa sâu sắc đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT, chưa đánh giá đúng vai trò của KTTT, nên chưa quan tâm đúng mức làm ảnh hưởng đến việc củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX.

- Một số HTX chỉ tồn tại trên danh nghĩa, ngừng hoạt động, chưa tổ chức lại hoạt động theo Luật; Một số HTX chưa tiếp cận được nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Trình độ chuyên môn, năng lực của cán bộ HTX còn nhiều hạn chế; cán bộ trẻ có trình độ đại học vào làm việc ở khu vực HTX còn rất ít.

- Quy định mới của Ngân hàng nhà nước về hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân có một số điểm gây trở ngại cho việc thành lập và mở rộng địa bàn hoạt động của các Quỹ tại các địa phương (Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

- Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT ở các cấp chưa được hoàn thiện ảnh hưởng đến việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT đến với thực tiễn.

II. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển kinh tế tập thể nhanh và bền vững với nòng cốt là hợp tác xã. Phần đầu đến năm 2020 khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nâng cao vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

- Phát triển mới các loại hình HTX trên các lĩnh vực, trong đó chú ý lĩnh vực môi trường, chợ, dịch vụ, khai thác hải sản xa bờ, lâm nghiệp, chuyên canh; phát triển HTX trên các địa bàn, nhất là phát triển các HTX tại các khu kinh tế, vùng lân cận khu công nghiệp của tỉnh; phát triển các HTX tại các vùng trung du, miền núi.

III. Định hướng chung về phát triển kinh tế tập thể

- Phát huy những thành quả đã đạt được, quyết tâm thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT.

- Tiếp tục đưa kinh tế tập thể, nòng cốt là HTX thực sự là thành phần kinh tế quan trọng, góp phần cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát triển kinh tế tập thể gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

- Phát triển HTX nhằm hỗ trợ kinh tế hộ thành viên phát triển, tăng giá trị sản xuất hàng hoá; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao dân trí, phát huy dân chủ, ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới;

- Chuyển đổi, khuyến khích, thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; nâng cao hiệu quả đóng góp của khu vực kinh tế tập thể vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo một cách bền vững; nâng cao vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tập thể trong nền kinh tế...

IV. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Số lượng HTX đến năm 2020 đạt 223 HTX; trong đó, thành lập mới 15 HTX, giải thể 22 HTX.

- 100% HTX tổ chức hoạt động theo Luật HTX mới.

- Số lượng HTX thành lập mới bình quân 3 HTX/năm.

- Có 65% HTX đạt loại khá, giỏi trở lên.
- Có dưới 10% HTX yếu kém.
- Có 80% các HTX hoạt động hiệu quả theo tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.
- Tốc độ tăng trưởng khu vực kinh tế tập thể bình quân hàng năm đạt trên 6%.
- Thu nhập bình quân của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX 23 triệu đồng/năm.
- Doanh thu bình quân của HTX 1,4 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cán bộ đạt trình độ sơ cấp, trung cấp 75%.
- Tỷ lệ cán bộ đạt trình độ cao đẳng, đại học 15%.

V. Các giải pháp phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020

1. Tập trung triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

- Luật Hợp tác xã năm 2012.
- Nghị định số 193/2013/NĐ- ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX 2012.
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký HTX và chế độ báo cáo tình hình HTX.

2. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 và nâng cao năng lực nguồn nhân lực hợp tác xã

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT.
- Tập huấn Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
- Tuyên truyền bằng nhiều hình thức, phổ biến, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác, HTX tiên tiến hoạt động hiệu quả, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị cơ sở.
- Tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho cán bộ hợp tác xã, thành viên hợp tác xã.

3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014

Tham gia thực hiện một số nội dung của chương trình như: Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ thành lập HTX; bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX; xây dựng mô hình HTX; xúc tiến thương mại HTX... Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của Chương trình; tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ bảo

đảm đúng mục tiêu, đạt hiệu quả.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tập trung thực hiện Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án củng cố phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

a) Về củng cố HTX

- Tiến hành giải thể những HTX không củng cố được.
- Hợp nhất, sáp nhập HTX NN với quy mô phù hợp.
- Tập trung giải quyết những tồn tại kéo dài của HTX như đất đai, công nợ tồn đọng.
- Đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ quản lý HTX và đào tạo nghề cho thành viên.
- Tạo điều kiện thuận lợi để HTX được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, và các nguồn vốn khác để hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng các dịch vụ phục vụ kinh tế hộ thành viên.

b) Thành lập mới HTX ở một số lĩnh vực

- Mở rộng Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở ở các địa bàn có nhu cầu trên nguyên tắc bảo đảm an toàn, hiệu quả; thành lập Quỹ Tín dụng nhân dân ở nơi chưa có hoặc thiếu.
- Thành lập mới HTX ở các khu kinh tế, khu công nghiệp góp phần giải quyết lao động mất việc làm do phải nhường đất cho khu kinh tế, khu công nghiệp.
- Phát triển HTX ở một số lĩnh vực như chợ, môi trường, dịch vụ tổng hợp, lâm nghiệp.
- Phát triển HTX ở các huyện miền núi và huyện Lý Sơn.
- Phát triển các HTX đánh bắt hải sản xa bờ theo Đề án của tỉnh.

c) Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ của HTX

Chuyển mạnh mô hình HTX kinh doanh tổng hợp đa ngành, đa nghề và dịch vụ tổng hợp phù hợp với địa bàn hoạt động. Xây dựng các mô hình điểm về kinh tế hợp tác, HTX hoạt động hiệu quả để nhân rộng. Hướng dẫn tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012; tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các hợp tác xã; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại; đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm; từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các hợp tác xã.

5. Tăng cường công tác quản lý về kinh tế tập thể

Tiếp tục củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của

tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, tổ chức hỗ trợ về KTTT ở các cấp. Tăng cường các hoạt động quản lý về KTTT, giao nhiệm vụ hành chính công cho từng sở, ngành liên quan về kinh tế tập thể, bố trí cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể, hợp tác xã một số vị trí cần thiết để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã.

6. Huy động các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc

tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể

a) Tăng cường trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với KTTT mà nòng cốt là HTX.

- Tiếp tục quán triệt, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên trong phát triển kinh tế tập thể. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng các cấp đối với công tác phát triển KTTT, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và quan trọng.

- Các cấp chính quyền, đơn vị liên quan tập trung thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX của Trung ương và của tỉnh.

- Đối với các tổ chức đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể cần đẩy mạnh các hoạt động tham gia, phối hợp với các đơn vị quản lý và Liên minh HTX tỉnh trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách, tuyên truyền vận động các hội viên tham gia phát triển HTX, vận động thành lập HTX gắn với đặc thù hoạt động của tổ chức, góp phần phát triển KTTT.

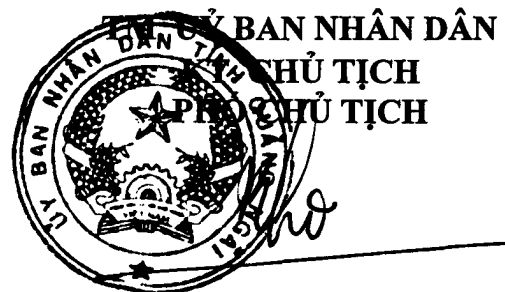
b) Huy động các nguồn lực và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể

Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể, chủ động tìm kiếm các đối tác, các tổ chức tài trợ nước ngoài để hỗ trợ hợp tác xã trong quá trình đổi mới, củng cố phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực, có hiệu quả của các tổ chức đại diện hợp tác xã của một số nước trên thế giới.

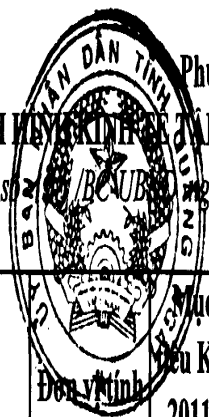
UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX tỉnh;
- VPUB: CVP; PCVP(NL), CB-TH;
- Luru:VT, NN-TNak554.



Phạm Trường Thọ



Phụ lục 1
TỈNH HỘI KINH DOANH TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2015
 (Kèm theo Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 01/17/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH2015	Ước TH2011-2015	So với mục tiêu 2011-2015
I	HTX									
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%								
2	Tổng số HTX	HTX		275	275	269	263	245	245	
	Trong đó:									
	Số HTX thành lập mới	HTX		0	2	1	2	2	7	
	Số HTX giải thể	HTX		0	2	7	8	20	37	
	Số HTX đã chuyển đổi theo Luật 2012	HTX				3	40	40	83	
3	Tổng số thành viên HTX	Người		233.960	233.960	371.000	370.367	350.367	350.367	
	Trong đó:									
	Số thành viên mới	Người		80	80	80	100	100	440	
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người		2.783	2.783	2.750	2.863	2.900	2.800	
	Trong đó:									
	Số lao động thường xuyên mới	Người		213	213	190	140	100		
	Số lao động là thành viên HTX	Người		2.783	2.783	2.750	2.765	2.800		
5	Doanh thu bình quân một HTX	Tr.đồng/năm		750	777	955	1.110	1.200	1.200	
	Trong đó:									
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr.đồng/năm								
6	Lãi bình quân một HTX	Tr.đồng/năm		45,6	50	60	69,9	75,6	75,6	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr.đồng/năm		9,5	12	13	16	18	18	
8	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người		1.752	1.752	1.440	1.351	1.225	1.225	
	Trong đó:									
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người		650	700	724	750	762		
	Số cán bộ HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người		94	94	94	93	100		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH2015	Ước TH2011-2015	So với mục tiêu 2011-2015
II	Tổ hợp tác									
	Tổng số THT	THT		56	57	60	364	365		
	Trong đó:									
	Số THT thành lập mới	THT		1	0	3	300	1		
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT								
	Tổng số thành viên THT	Thành viên								
	Trong đó:									
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên								
	Doanh thu bình quân một THT	Tr.đồng/năm								
	Lãi bình quân một THT	Tr.đồng/năm								



Phụ lục 2
SỞ XÃ HỘI VÀ CÔNG VIỆC HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011-2015
 (Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu tính	KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH 2015	Ước TH 2011-2015	So với mục tiêu 2011-2015
1	HỢP TÁC XÃ									
	Tổng số HTX	HTX		275	275	269	263	245		
	Chia ra									
	HTX nông-lâm-ngư nghiệp	HTX		196	196	193	193	178		
	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX		39	39	39	37	36		
	HTX xây dựng	HTX		1	1	1	1	0		
	Quỹ tín dụng nhân dân	HTX		14	16	17	19	20		
	HTX thương mại	HTX		8	8	8	8	8		
	HTX vận tải	HTX		11	11	11	10	10		
	HTX khác	HTX		7	7	4	1	0		
2	TỔ HỢP TÁC									
	Tổng số THT	THT		57	57	60	364	365		
	Chia ra									
	THT nông-lâm-ngư nghiệp	THT								
	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT								
	THT xây dựng	THT								
	THT tín dụng	THT								
	THT thương mại	THT								
	THT vận tải	THT								
	THT khác	THT								

Phụ lục 3

KẾT QUẢ HỖ TRỢ PHÂN TIỀN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Kèm theo Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KKT 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH 2015	Ước thực hiện 2011-2015	Số với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2011-2015
I	Hỗ trợ thành lập mới		12	2		2	4	3	14	
1	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	10	2		2	4	0		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	170	20		60	90	0	70	
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	170	20		60	90	0	70	
II	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng									
1	Đào tạo									
-	Sơ cấp, trung cấp	Người	40	40	28	26	0	0	26	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	738.420	184.420	385.580	168.420	0	0	738.420	
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	738.420	184.420	385.580	168.420	0	0	738.420	
-	Cao đẳng		-	0	0	0	0	0	0	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng								
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng								
-	Đạo tạo	Hợp tác xã	-	0	0	0	0	0	0	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng								
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng								
2	Bồi dưỡng									
-	Cán bộ HTX nông nghiệp	Người	1.004	267	249	197	131	120	1.004	1000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH 2015	Ước thực hiện 2011-2015	So với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2011-2015
3	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	1.155.377	101.323	167.000	257.054	315.000	315.000	1.155.377	1100
	<i>Trong đó:</i>									
-	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	-							
-	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	673.377	101.323		257.054	315.000	315.000	1.155.377	1100
-	Cán bộ HTX phi nông nghiệp									
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng								
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng								
-	Tổ trưởng Tổ hợp tác									
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng								
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng								
III	Hỗ trợ đất đai									
1	Giao đất không thu tiền sử dụng đất									
-	Số HTX được giao đất	HTX								
-	Tổng diện tích đất được giao	m ²								
2	Thuê đất									
-	Số HTX được giao đất	HTX								
-	Tổng diện tích đất được giao	m ²								
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất									
	Số HTX được cấp giấy	HTX	80							
	Tổng diện tích được cấp giấy	m ²	235.751,2							
IV	Hỗ trợ thuế									
1	Ưu đãi thuế									
-	Số HTX được ưu đãi	HTX								
-	Tổng số tiền thuế được ưu đãi	Tr.đồng								
2	Miễn thuế									

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu KH 2011-2015	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	Ước TH 2015	Ước thực hiện 2011-2015	So với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2011-2015
-	Số HTX được miễn thuế	HTX								
-	Tổng số tiền được miễn	Tr.đồng								
V	Hỗ trợ tín dụng			0						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX								
-	Tổng số vốn được vay	Tr.đồng								
VI	Hỗ trợ xúc tiến thương mại			0						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX								
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng								
VII	Hỗ trợ về khoa học công nghệ									
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX					2	10		
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng					193,5	1000		
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng						1000		
VIII	Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng		-	0						
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX	-	0						
-	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng								
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng								
IX	Hỗ trợ tuyên truyền về kinh tế tập thể									
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX						10		
-	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng						100		
	<i>Trong đó:</i>									
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng								
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng						100		
X	Hỗ trợ khác	Tr.đồng								

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 01 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011-2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Mục tiêu KH 2016-2020
I	HTX								
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%							
2	Tổng số HTX	HTX		243	240	235	230	223	
	Trong đó:								
	Số HTX thành lập mới	HTX		3	3	3	3	3	15
	Số HTX giải thể	HTX		5	5	5	5	2	22
	Số HTX đã chuyển đổi theo Luật 2012	HTX		243	240	235	230	223	223
3	Tổng số thành viên HTX	Người		350.150	351.000	346.750	341.500	334.150	
	Trong đó:								
	Số thành viên mới	Người		2.100	2.100	3.150	1.050	1.050	
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người		2950	3000	3050	3060	3100	
	Trong đó:								
	Số lao động thường xuyên mới	Người		20	20	30	10	10	90
	Số lao động là thành viên HTX			2800	2850	2850	2850	2850	
5	Doanh thu bình quân một HTX	Tr.đồng/năm		1.200	1.250	1.300	1.350	1.400	1.400
	Trong đó:								
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr.đồng/năm							
6	Lãi bình quân một HTX	Tr.đồng/năm		75,6	78,9	81	85	90	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr.đồng/năm		19	20	21	22	23	
8	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người		1230	1250	1250	1250	1250	
	Trong đó:								
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	%		65	68	75	75	75	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011- 2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Mục tiêu KH 2016- 2020
	Số cán bộ HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	%		9	10	10	10	15	
II	Tổ hợp tác								
	Tổng số THT	THT							
	Trong đó:								
	Số THT thành lập mới	THT							
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT							
	Tổng số thành viên THT	Thành viên							
	Trong đó:								
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên							
	Doanh thu bình quân một THT	Tr.đồng/năm							
	Lãi bình quân một THT	Tr.đồng/năm							

Phụ lục 5
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC
PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016-2020
 (Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 01 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011-2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Mục tiêu KH 2016-2020
1	HỢP TÁC XÃ								
	Tổng số HTX	HTX		243	240	235	230	223	
	Chia ra								
	HTX nông-lâm-ngư nghiệp	HTX		177	175	170	167	165	
	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX		33	31	28	26	21	
	HTX xây dựng	HTX		0	0	1	1	1	
	Quỹ tín dụng nhân dân	HTX		14	16	17	19	20	
	HTX thương mại	HTX		8	8	10	11	11	
	HTX vận tải	HTX		10	10	10	10	10	
	HTX khác	HTX		2	3	3	2	2	
2	TỔ HỢP TÁC								
	Tổng số THT	THT							
	Chia ra								
	THT nông-lâm-ngư nghiệp	THT							
	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT							
	THT xây dựng	THT							
	THT tín dụng	THT							
	THT thương mại	THT							
	THT vận tải	THT							
	THT khác	THT							

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số 133 /BC-UBND ngày 01 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011-2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Mục tiêu KH 2016-2020
I	HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC HTX								
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực								
-	Số người được cử đi đào tạo	Người	26	40		40			80
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	1.953	1.150	350	1.150	350	350	3.350
	<i>Trong đó:</i>								
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	1.215	350	350	350	350	350	1.750
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	738	800		800			1.600
-	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	1.004	300	300	300	300	300	1.500
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	1.155	500	500	500	500	500	2.500
	<i>Trong đó:</i>								
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	-	250	250	250	250	250	1.250
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	1.155	250	250	250	250	250	1.250
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX		2	2	2	2	2	10
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng		60	60	60	60	60	300
	<i>Trong đó:</i>								
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng		30	30	30	30	30	150
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		30	30	30	30	30	150
3	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	2	6	6	6	6	6	30
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	194	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	6.000
	<i>Trong đó:</i>								
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng	-	600	600	600	600	600	3.000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2011- 2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	Mục tiêu KH 2016- 2020
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng	194	600	600	600	600	600	3.000
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX		5	10	10	15	20	25
	Tổng số vốn được vay	Tr.đồng		1.000	2.000	2.000	3.000	4.000	12.000
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế-xã hội								
-	Số HTX được hỗ trợ	HTX		25	30	35	35	40	165
6	Hỗ trợ thành lập mới								
	Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	13	3	3	3	3	3	15
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	230	60	60	60	60	60	300
3	Trong đó:								-
-	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng		30	30	30	30	30	150
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		30	30	30	30	30	150
II	Hỗ trợ riêng đối với HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp								-
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng								-
	Số HTX được hỗ trợ	HTX		25	30	35	35	40	165
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng		25.000	30.000	35.000	35.000	40.000	165.000
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng		12.500	15.000	17.500	17.500	20.000	82.500
	Ngân sách Trung ương			12.500	15.000	17.500	17.500	20.000	82.500
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất								-
	Số HTX được hỗ trợ cho thuê đất	HTX		10	15	18	22	26	91
	Tổng diện tích đất được thuê	m ²		10.000	15.000	18.000	22.000	26.000	91.000
	Số HTX được hỗ trợ giao đất	HTX	80	15	20	25	30	35	125
	Tổng diện tích đất được giao	m ²	235.751	45.000	60.000	75.000	90.000	105.000	375.000